

SO SÁNH ĐỀ THI CHỨNG CHỈ B1 SAU ĐẠI HỌC VÀ B1 CHÂU ÂU PET

Bài viết nhằm mục đích so sánh giữa bài thi B1 châu Âu và bài thi B1 của bộ GD&ĐT nhằm giúp các thí sinh phân biệt rõ hai kì thi này. Chứng chỉ tiếng Anh B1 quốc tế được viện khảo thí Cambridge cấp và được công nhận trên toàn cầu, trong khi đó chứng chỉ tiếng anh B1 do các đơn vị được Bộ GD&ĐT cấp phép chỉ dành cho học viên chuẩn bị bảo vệ thạc sĩ hoặc nộp hồ sơ nghiên cứu sinh.

CẤU TRÚC BÀI THI CHỨNG CHỈ B1 (PET) CHÂU ÂU

PHẦN 1: ĐỌC VIẾT

Phần	Số câu hỏi	Định dạng
Đọc phần 1	5	Cho 5 biển báo, thông báo, tin nhắn... và 3 lựa chọn trả lời. Thí sinh chọn một đáp án đúng.
Đọc phần 2	5	Cho 5 bài miêu tả về một người/nhóm người và 5 đoạn văn ngắn. Nối phần miêu tả với đoạn văn thích hợp.
Đọc phần 3	10	Cho 10 câu và một bài văn. Dựa vào thông tin của bài văn, quyết định xem câu văn đã cho đúng hay sai.
Đọc phần 4	5	Cho một bài văn và 5 câu đọc hiểu trắc nghiệm gồm 4 lựa chọn A, B, C, D. Chọn đáp án đúng nhất.
Đọc phần 5	10	Cho một đoạn văn có 10 chỗ trống. Mỗi chỗ trống tương ứng với 4 lựa chọn. Chọn đáp án đúng nhất.

Viết phần 1	5	Điền từ 1 đến 3 từ vào câu viết lại sao cho giữ nguyên nghĩa với câu đã cho.
Viết phần 2	1	Viết một đoạn tin nhắn (35-45 từ) bao gồm 3 mẫu thông tin
Viết phần 3	1	Viết một bức thư hoặc một câu chuyện khoảng 100 từ

PHẦN 2: NGHE

Phần	Số câu hỏi	Dạng bài
Nghe phần 1	7	Mỗi câu hỏi tương ứng với 3 bức tranh. Nghe và chọn bức tranh đúng.
Nghe phần 2	6	Nghe một đoạn độc thoại hoặc một bài phỏng vấn và chọn đáp án đúng nhất trong 3 lựa chọn A, B, C
Nghe phần 3	6	Nghe điền từ vào chỗ trống
Nghe phần 4	6	Nghe một đoạn hội thoại và quyết định xem câu đưa ra đúng hay sai.

PHẦN 3: NÓI

Phần	Số câu hỏi	Dạng bài
Nói phần 1	2-3 phút	Giám khảo phỏng vấn thí sinh các câu hỏi liên quan đến thông tin cá nhân
Nói phần 2	2-3 phút	Hai thí sinh được đưa một số bức tranh về một tình huống nhất định. Từng thí sinh sẽ thảo luận với thí sinh còn lại về bức tranh của mình.
Nói phần 3	3 phút	Thí sinh được xem một bức tranh in màu và thí sinh miêu tả bức tranh đó trong vòng 1 phút.
Nói phần 4	3 phút	Hai thí sinh thảo luận với nhau về một chủ đề liên quan đến bức tranh ở phần 3.

ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI B1 CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHẦN 1: ĐỌC VIẾT (90 phút/ 60 điểm)

Phần	Số câu hỏi	Dạng bài	Tương ứng hoặc giống bài thi PET quốc tế
Đọc phần 1	10	Trắc nghiệm từ vựng, ngữ pháp. Chọn đáp án đúng nhất trong bốn lựa chọn A, B, C, D	

Đọc phần 2	5	Cho 5 biển báo, thông báo, tin nhắn... và 3 lựa chọn trả lời. Thí sinh chọn một đáp án đúng.	Đọc phần 1
Đọc phần 3	5	Cho một bài văn và 5 câu đọc hiểu trắc nghiệm gồm 4 lựa chọn A, B, C, D. Chọn đáp án đúng nhất.	Đọc phần 4
Đọc phần 4	10	Cho một bài văn có 10 chỗ trống và 15 từ cho sẵn. Chọn 10 từ thích hợp điền vào chỗ trống.	Đọc phần 5 Trắc nghiệm chọn từ trong 4 đáp án A, B, C, D
Viết phần 1	5	Viết lại câu Cho một hoặc một vài từ ở đầu câu thứ 2 và yêu cầu viết lại giữ nguyên nghĩa.	Viết phần 1 Điền từ 1 đến 3 từ vào chỗ trống trong câu thứ 2 sao cho giữ nguyên nghĩa
Viết phần 2	1	Viết một bức thư dài khoảng 100 từ	Viết phần 3

PHẦN 2: NGHE (30 phút/ 20 điểm)

Phần	Số câu hỏi	Dạng bài	Tương ứng hoặc giống bài thi PET quốc tế
------	------------	----------	--

Nghe phần 1	5	Mỗi câu hỏi tương ứng với 3 bức tranh. Nghe và chọn bức tranh đúng.	Nghe phần 1 7 câu hỏi
Nghe phần 2	10	Nghe và điền từ vào chỗ trống. Cho một đoạn văn có 10 chỗ trống.	Nghe phần 3 Cho một bài tóm tắt nội dung chính của bài nghe. Nghe và điền vào 6 chỗ trống.

PHẦN 3: NÓI (20 điểm)

Phần	Số câu hỏi	Dạng bài
Nói phần 1	2 – 3 phút	Giám khảo hỏi thí sinh một số câu hỏi về tiểu sử bản thân
Nói phần 2	5 phút	Thí sinh bốc thăm một chủ đề cho sẵn và có 1 phút để chuẩn bị sau đó trình bày.
Nói phần 3	3 – 5 phút	Giám khảo và thí sinh hội thoại mở rộng về những vấn đề có liên quan đến chủ đề vừa trình bày